TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TAN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 276/2019/HNGĐ-ST Ngày: 09/7/2019 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Công Minh, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 393/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thiều Thị N – sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 8, Ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hữu T – sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 8, Ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (Hiện tạm trú: Tổ 19, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang); có đơn xin vắng mặt ngày 03/5/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/10/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Thiều Thị N trình bày: Năm 2008, bà N và ông T tự tìm hiểu yêu thương và được cha mẹ hai bên đồng ý, đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2008 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn. Hiện hai người vẫn còn sống chung không có ly thân, trong cuộc sống vợ chồng có thành kiến, mâu thuẫn với nhau rất nặng, nguyên nhân do tính tình không hợp, sống không hiểu nhau, thường xung đột về suy nghĩ, sống không có hạnh phúc. Tình cảm của bà N đối với ông T không còn, yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà N và ông T có 01 người con chung tên Lê Thiều Bảo H, sinh ngày 28/8/2012 hiện đang sống với bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hữu T trình bày: Ông T với bà N quen biết và yêu nhau vào năm 2008, được cha mẹ hai bên đồng ý, đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2008 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn. Hiện hai người vẫn còn sống chung không có ly thân, trong cuộc sống vợ chồng có nảy sinh nhiều mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do ông T uống rượu về có nảy sinh cự cãi với hàng xóm nên bị chính quyền địa phương phạt hành chính. Có nhiều lần sai rượu về la rầy vợ con dẫn đến mâu thuẫn và ông với bà N sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Do còn thương bà N nên ông T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T với bà N có 01 người con chung tên Lê Thiều Bảo H, sinh ngày 28/8/2012 hiện đang sống với bà N, khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành.

Hội đồng xét xử công bố bản tự khai, đơn xin vắng mặt của ông T.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu, ông T vắng mặt,

Bà N xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; ông T không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Thiều Thị N khởi kiện "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" với ông Lê Hữu T – sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 8, Ấp Tân Hòa B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (Hiện tạm trú: Tổ 19, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Hữu T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 03/5/2019. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008, bà N và ông T tự tìm hiểu yêu thương và được cha mẹ hai bên đồng ý, đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2008 nhưng hai người không có đăng ký kết hôn.

Bà N và ông T khai thống nhất với nhau, hai người tổ chức lễ cưới vào năm 2008, khi đó cả hai ông, bà đều đã đến tuổi đăng ký kết hôn. Nhưng giữa bà N với ông T không thực hiện nghĩa vụ đi đăng ký kết hôn, nên quan hệ giữa bà N với ông T không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay bà N xin được ly hôn. Ông T cho rằng còn thương bà N yêu cầu được đoàn tụ. Yêu cầu này của bà N và ông T không được xem xét. Do đó, HĐXX nên tuyên không công nhận giữa bà N với ông T là vợ chồng, phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Bà N với ông T khai thống nhất với nhau, trong thời kỳ hai người sống chung có 01 con chung tên Lê Thiều Bảo H, sinh ngày 28/8/2012 hiện đang sống với bà N. Nay cả bà N với ông T đều yêu cầu được nuôi con.

Bà N yêu cầu được nuôi dạy cháu H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Cháu H là bé gái hơn 06 tuổi, nếu sống cùng với bà N sẽ đảm bảo điều kiện về mọi mặt của cháu.

Xét, giao cháu Lê Thiều Bảo H cho bà N nuôi dạy cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi dạy con chung. Xét, được Hội đồng xét xử công nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N với ông T khai thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết. Xét, không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Thiều Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Lê Hữu T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử: Không công nhận giữa bà Thiều Thị N với ông Lê Hữu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Thiều Thị N được nuôi dại cháu tên Lê Thiều Bảo H, sinh ngày 28/8/2012.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Tài trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về cấp dưỡng: Công nhận bà Thiều Thị N tự nguyện nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N với ông T khai thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết. Nên, không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thiều Thị N phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số: 0009554 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Ông Lê Hữu T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Thiều Thị N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Lê Hữu T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX.Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, VP.

Ngô Thế Minh